TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/HS-ST
Ngày: 30/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tứ Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thảo và bà Võ Thị Trúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Huyền Bích, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý 35/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Đỗ Văn M, sinh năm 1991 tại K, Ninh Bình; nơi cư trú: Số A T, Tổ A, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn D và bà Nguyễn Thị M1; bị cáo có vợ là Hoàng Thị H và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Ngày 26/5/2022, bị Công an thị xã A khởi tố về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 1 Điều 134 BLHS, ngày 20/9/2022 Tòa án nhân dân thị xã A ra đình chỉ vụ án. Bị tạm giữ từ ngày 29/12/2022 đến ngày 07/01/2023 chuyển tạm giam, đến ngày 23/3/2023, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Thị Ánh L, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ B, phường T, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

2. Hà Thị Xuân T, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ A, phường A, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

3. Nguyễn Thị D1, sinh năm 1978; địa chỉ:Tổ C, phường A, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

4. Phan Thị L1, sinh năm 1955 ; địa chỉ: Tổ A, phường A, thị xã A, Gia Lai; có mặt;

5. Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

6. Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ C, phường A, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

7. Nguyễn Thị Mỹ D2, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ D, phường T, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

8. Phan Thị Lệ T1, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ E, phường A, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

9. Lê Thị L2, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

10. Nguyễn Thị X, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

11. Võ Thị Hoài T2, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn T, xã S, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

12. Nguyễn Thị Thanh M2, sinh năm 1985 ; địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã A, Gia Lai; có mặt;

13. Nguyễn Thị Hồng L3, sinh năm 1986 ; địa chỉ: Đ, thôn T, xã T, huyện Đ, Gia Lai; có mặt;

14. Lê Thị H2, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ D, phường T, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

15.Huỳnh Thị T3, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố B, T, huyện K, Gia Lai; vắng mặt;

16. Phạm Thị T4, sinh năm 1992 ; địa chỉ: Tổ dân phố B, T, huyện K, Gia Lai; vắng mặt;

17. Phan Thị Hồng P, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố B, T, huyện K, Gia Lai; vắng mặt;

18. Nguyễn Công C, sinh năm 1955 ; địa chỉ: Tổ C, phường N, Thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

19. Phạm Thị Ngọc Á, sinh năm 1984 ; địa chỉ: Tổ C, phường A, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

20. Lưu Văn T5, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ B, phường N, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

21. Nguyễn Thị X, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn F, xã T, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

22.Trần Văn B, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

23. Bùi Thị Lệ T6, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ B, phường T, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

24. Nguyễn Thị Mỹ H3, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ E, phường T, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

25. Tô Văn M3, sinh năm1970; địa chỉ: Thôn A, xã C, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

26. Hoàng Thị Như Ý, sinh năm 1990 ; địa chỉ: Thôn A, xã S, thị xã A, Gia Lai; có mặt;

27. Nguyễn Thị Thúy H4, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai; vắng mặt;

28. Nguyễn Thị Tuyết T7, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ G, phường A, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

29. Trần Thị T8, sinh năm1976; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

30. Lê Minh T9, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ A, T, huyện K; vắng mặt;

31. Đặng Thị G, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ B, T, huyện K, tỉnh Gia Lai; vắng mặt;

32. Châu Thị Bảo V, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

33. Lê Thị H5, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ C, phường A, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

34. Đinh Thị T10, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ A, thị trấn K, huyện K, Gia Lai; vắng mặt;

35. Trần Thị Đ1, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ A, phường A, thị xã A, Gia Lai; có mặt;

36. Bùi Thị H6, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ E, phường A, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

37. Nguyễn Thị Hồng L3, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

38. Lê Đức H7, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ A, phường A, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

39. Nguyễn Thị Bích P1, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ A, phường A, thị xã A, Gia Lai; có mặt;

40. Trương Minh H8, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ H, phường A, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

41. Châu Thị T11, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ A, phường T, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

42. Nguyễn Thị T12, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ E, phường A, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

43. Trần Thị N, sinh năm1971; địa chỉ: Tổ A, phường A, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

44. Võ Thị Hoàng Y, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ A, phường A, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

45. Lê Thị Thu H9, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ H, phường A, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

46. Trần Thị Ánh N1, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn A, xã S, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

47. Diệp Thị Phương T13, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ C, phường A, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

48. Nguyễn Thị D2, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ B, phường N, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

49. Trần Văn H10, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện Đ, Gia Lai; vắng mặt;

50. Hà Thị Kiều O, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ A, phường A, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

51. Đoàn Thị Bích V1, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ A, phường N, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

52. Phan Thị Thanh T14, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ B, T, huyện K; vắng mặt;

53. Phan Thị T15, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố P, T, huyện K, Gia Lai; vắng mặt;

54. Nguyễn Thị H11, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ G, phường T, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

55. Phan Thị T16, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ D, phường N, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

56. Châu Thị N2, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ G, phường T, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

57. Lê Minh K, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ G, phường T, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

58. Tô Thị Thanh T17, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn A, xã S, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

59. Phạm Thị Mỹ V2, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ B, thị trấn Đ, huyện Đ, Gia Lai; vắng mặt;

60. Đỗ Thị N3, sinh năm1971; địa chỉ: Tổ A, T, huyện K, Gia Lai; vắng mặt;

61. Nguyễn Văn M4, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ A, phường A, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

62. Phan Thị Mỹ L4, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; vắng mặt;

63. Nguyễn Thị T18, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ A, phường A, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

64. Đặng Hữu Đ2, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ A, phường A, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

65. Trần Minh T19, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

66. Phan Văn T20, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ B, phường N, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Hồ Đắc T21, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn A, xã C, Đ, Gia Lai; vắng mặt;

2. Nguyễn Thị Thanh T22, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn T, xã C, Đ, Gia Lai; vắng mặt;

3. Huỳnh Thị Ngọc Q, sinh năm 2003; địa chỉ: Tổ B, phường N, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

4. Nguyễn Thị Như Q1, sinh năm 2000; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt;

5. Mai Thị N4, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ A, thị trấn Đ, huyện Đ, Gia Lai; vắng mặt;

6. Nguyễn Công H12, sinh năm 2005; địa chỉ: Tổ A, thị trấn Đ, huyện Đ, Gia Lai; vắng mặt;

7. Trần Kim H13, sinh năm1983; địa chỉ: Tổ B, thị trấn K, huyện K, Gia Lai; vắng mặt;

8. Hồ Đức Q2, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ B, thị trấn K, huyện K, Gia Lai; vắng mặt;

9. Hoàng Thị H, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ B, phường N, thị xã A, Gia Lai; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối năm 2021 bị cáo Đỗ Văn M từ huyện K, tỉnh Ninh Bình vào thị xã A, tỉnh Gia Lai thuê nhà tại số A T, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai để sinh sống và cho người dân trên địa bàn thị xã A, huyện K, huyện M vay tiền với lãi suất 122%

đến 421%/năm. Tùy theo khoản vay, người vay thỏa thuận trả tiền hằng ngày với chu kỳ mỗi khoản vay từ 25 đến 38 ngày. Trường hợp chưa hết thời hạn cho vay theo thỏa thuận nhưng người vay không có khả năng trả tiếp hoặc người vay muốn vay thêm một khoản vay mới thì bị cáo tiếp tục cho vay một khoản vay khác và trừ số tiền còn nợ vào khoản vay mới, người vay tiếp tục trả tiền theo khoản vay mới. Hoặc người vay cũng có thể thỏa thuận để trả cùng lúc nhiều khoản vay hoặc cộng các khoản vay còn nợ và ấn định lãi suất, thời gian trả. Người vay trả tiền trực tiếp hoặc chuyển tiền vào tài khoản của Đỗ Văn M. Căn cứ vào giấy theo dõi tiền vay do bị cáo lập, tiền chuyển vào tài khoản Ngân hàng của bị cáo, xác định từ tháng 12/2021 đến tháng 12/2022, bị cáo đã cho 59 người dân trên địa bàn thị xã A, huyện Đ, huyện K, huyện M vay tiền với lãi suất từ 122% đến 421%/năm cụ thể như sau:

1. Nguyễn Thị Ánh L (sinh năm 1976, trú tổ B, phường T, thị xã A): Ngày 31/8/2022, chị Nguyễn Thị Ánh L vay của Đỗ Văn M số tiền 2.000.000đ, trả 100.000đ/ ngày trong 25 ngày với lãi suất 365%/ năm, đáo hạn 01 lần thì chỉ L trả đủ tiền gốc và lãi (tiền gốc là 4.000.000đ + tiền lãi 1.000.000đ). Ngày 05/12/2022, chị L vay tiếp 2.000.000đ, đáo hạn 01 lần thì trả được 6 ngày thì Đỗ Văn M bị bắt (tiền gốc là 2.480.000đ + tiền lãi là 620.000đ). Như vậy, M đã cho chị L thực vay số tiền 8.000.000đ, số tiền chị L đã trả cho M là 8.100.000đ, trong đó tổng số tiền thu lợi bất chính là 1.531.233đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 88.767đ, tiền gốc là 6.480.000đ. Số tiền vay gốc chị L còn nợ M là 1.520.000đ.

2. Hà Thị Xuân T (sinh năm 1970, trú tổ A, phường A, thị xã A): Ngày 30/8/2022, chị T vay của Mỹ số tiền 10.000.000đ, trả 400.000đ/ ngày trong 31 ngày với lãi suất 283%/năm, đáo hạn 01 lần thì trả đủ tiền gốc và lãi (tiền gốc là 20.000.000đ+ tiền lãi 4.800.000đ). Ngày 25/10/2022, chị T vay tiếp 10.000.000đ đáo hạn 03 lần và lần cuối trả được 17 ngày (tiền gốc là 35.483.871đ + tiền lãi là 8.516.129đ). Như vậy, M đã cho chị T vay số tiền 60.000.000đ, số tiền chị T đã trả cho M là 68.800.000đ, trong đó tổng số tiền thu lợi bất chính là 12.373.663đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 942.466đ, tiền gốc là 55.483.871đ. Số tiền vay gốc chị T còn nợ M là 4.516.129đ.

3. Nguyễn Thị D2 (sinh năm 1978, trú tổ C, phường A, thị xã A): Ngày 3/9/2022, chị D2 vay của Mỹ số tiền 5.000.000đ, trả 200.000 đồng/31 ngày với lãi suất 283%/ năm, đáo hạn 01 lần rồi trả đủ gốc và lãi (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 2.400.000đ). Ngày 24/10/2022, chị D2 vay 7.000.000đ, trả 300.000đ/ ngày trong vòng 29 ngày với lãi suất 306%/ năm, đáo hạn 01 lần rồi trả đủ (tiền gốc là 14.000.000đ + tiền lãi là 3.400.000đ. Ngày 25/11/2022, chị D2 vay 7.000.000đ, trả 300.000đ/ ngày trong 29 ngày với lãi suất 306%/ năm, trả được 16 ngày (tiền gốc 3.862.069đ + tiền lãi 937.931đ).

Như vậy, M đã cho chị D2 vay số tiền 31.000.000đ, số tiền chị D2 đã trả cho M là 34.600.000đ, trong đó tổng số tiền thu lợi bất chính là6.284.232đ, tiền thu lợi

dưới 20%/năm là 453.699đ, tiền gốc là 27.862.069đ. Chị D2 còn nợ M là 3.137.931đ.

4. Phan Thị L1 (sinh năm 1955, trú tổ A, phường A, thị xã A): Ngày 31/8/2022, bà L1 vay Mỹ số tiền 5.000.000đ, trả 200.000đ/ ngày trong 30 ngày, với lãi suất 243%/ năm, đáo hạn 01 lần trả hết (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 2.000.000đ). Ngày 03/11/2022, bà L1 vay 5.000.000đ, trả 200.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/ năm thì trả đủ (tiền gốc 5.000.000đ + tiền lãi 1.200.000đ). Ngày 20/11/2022, vay tiếp 5.000.000đ, trả 200.000đ/ ngày trong 30 ngày, với lãi suất 243%/ năm, đáo hạn 02 lần, lần cuối đã trả được 06 ngày (tiền gốc là 11.000.000đ + tiền lãi là 2.200.000đ). Như vậy, Mỹ cho bà L1 vay số tiền 30.000.000đ, số tiền bà L1 đã trả 31.600.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 5.167.123đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 432.877đ, tiền gốc là 31.400.000đ. Số tiền vay gốc bà L1 còn nợ M là 4.000.000đ.

5. Thân Thị N5 (sinh năm 1959, trú tổ A, phường A, thị xã A): Ngày 25/8/2022, bà Thân Thị N5 vay Mỹ 7.000.000đ, trả 300.000đ/ ngày trong 29 ngày, lãi suất 306%/ năm thì trả đủ (tiền gốc 7.000.000đ + tiền lãi 1.700.000đ). Ngày 15/12/2022, bà N5 vay Mỹ số tiền 5.000.000đ, trả 200.000đ/ngày trong vòng 31 với lãi suất 283%/ năm, trả được 13 ngày. Như vậy, Mỹ cho bà N5 vay số tiền 12.000.000đ, số tiền bà N5 đã trả 11.300.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 2.056.376đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 146.849đ, tiền gốc là 9.096.774đ. Số tiền vay gốc bà N5 còn nợ M là 2.903.226đ.

6. Nguyễn Thanh H1 (sinh năm 1980, trú tổ B, phường A, thị xã A): Ngày 23/12/2022, anh H1 vay Mỹ số tiền 5.000.000đ, trả 200.000đ/ ngày trong vòng 31 ngày, với lãi suất 283%/năm, anh H1 đóng được 5 ngày. Như vậy, M cho anh H1 vay số tiền 5.000.000đ, số tiền anh H1 đã trả 1.000.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 179.850đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 13.699đ, tiền gốc là 806.452đ. Số tiền vay gốc anh H1 còn nợ M là 4.193.548đ.

7. Nguyễn Hữu Đ (sinh năm 1962, trú tổ C, phường A, thị xã A): Ngày 30/10/2022, ông Nguyễn Hữu Đ vay Mỹ số tiền 5.000.000đ, trả 200.000đ trong vòng 31 ngày với lãi suất 283%/ năm, đáo hạn 01 lần sau đó đóng 2 ngày không trả nữa. Như vậy, Mỹ cho ông Đ vay số tiền 10.000.000đ, số tiền ông Đ đã trả 6.600.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 1.187.008đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 90.411đ, tiền gốc là 5.322.581đ. Số tiền vay gốc ông Đ còn nợ M là 4.677.419đ.

8. Nguyễn Thị Mỹ D2 (sinh năm 1975, trú tổ D, phường T, thị xã A): Ngày 7/11/2022, chị D2 vay Mỹ số tiền 5.000.000đ, trả 200.000đ/ ngày trong vòng 31 ngày, với lãi suất 283%/ năm, đáo hạn 01 lần sau đó đóng được 14 ngày thì không trả nữa. Như vậy, Mỹ cho chị D2 vay số tiền 10.000.000đ, số tiền chị D2 đã trả

9.000.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 1.618.648đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 123.288đ, tiền gốc là 7.258.065đ. Số tiền vay gốc chị D2 còn nợ M là 2.741.935đ.

9. Phan Thị Lệ T1 (sinh năm 1982, trú tổ E, phường A, thị xã A): Ngày 27/10/2022, chị Phan Thị Lệ T1 vay Mỹ số tiền 2.000.000đ, trả 100.000đ/ngày trong vòng 25 ngày, với lãi suất 365%/ năm thì đã trả đủ (tiền gốc là 2.000.000đ + tiền lãi là 500.000đ). Ngày 23/10/2022, vay 5.000.000đ, trả 200.000đ trong 31 ngày, lãi suất 283%/ năm, đáo hạn 01 lần thì trả đủ (tiền gốc 10.000.000đ + tiền lãi 2.400.000đ). Ngày 15/11/2022: vay 2.000.000đ thì trả đủ (tiền gốc là 2.000.000đ + tiền lãi là 500.000đ). Ngày 02/12/2022, vay số tiền 7.000.000đ trả 300.000đ/ ngày trong vòng 29 ngày, lãi suất 306%/ năm, đáo hạn 01 lần, đóng được 5 ngày (tiền gốc 8.206.897đ +tiền lãi 1.993.103đ). Như vậy, Mỹ cho chị T1 vay số tiền 28.000.000đ, số tiền chị T1 đã trả 27.600.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 5.038.035đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 355.068đ, tiền gốc là 22.206.897đ. Số tiền vay gốc chị T1 còn nợ M là 5.793.103đ.

10. Lê Thị L2 (sinh năm 1969, trú tổ B, phường A, thị xã A): Ngày 03/01/2022, bà Lê Thị L2 vay Mỹ số tiền 5.000.000đ, trả 200.000đ/ngày trong 31 ngày với lãi suất 283%/ năm, đã trả đủ (tiền gốc là 5.000.000đ + tiền lãi là 1.200.000đ). Lần 2, bà L2 vay 10.000.000đ, trả 400.000đ/ ngày trong 31 ngày, với lãi suất 283%/ năm, đã trả đủ (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 2.400.000đ). Lần 3, vay tiếp 10.000.000đ thì trả đủ (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 2.400.000đ). Lần 4, bà L2 vay tiếp 5.000.000đ, trả được 8 ngày (tiền gốc là 1.290.323đ + tiền lãi là 309.677đ). Như vậy, Mỹ cho bà L2 vay số tiền 30.000.000đ, số tiền bà L2 đã trả 32.600.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 8.920.548đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 679.452đ, tiền gốc là 26.290.323đ. Số tiền vay gốc bà L2 còn nợ M là 3.709.677đ.

11. Nguyễn Thị X (sinh năm 1963, trú tổ B, phường A, thị xã A): Ngày 20/3/2022, bà Nguyễn Thị X vay Mỹ số tiền 10.000.000đ, trả 400.000đ/ ngày trong 31 ngày, với lãi suất 283%/ năm. Số tiền này, bà X đáo hạn 01 lần và đã trả đủ (tiền gốc là 20.000.000đ + tiền lãi là 4.800.000đ). Ngày 23/8/2022, bà X vay 10.000.000đ và trả đủ tiền gốc, lãi (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 2.400.000đ). Ngày 17/9/2022, bà X tiếp tục vay 10.000.000đ, trả đủ (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 2.400.000đ). Ngày 23/10/2022, bà X tiếp tục vay 10.000.000đ, trả đủ (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 2.400.000đ). Ngày 04/11/2022, vay 10.000.000đ, đáo hạn 04 lần, lần cuối trả được 4 ngày (tiền gốc 41.290.323đ + tiền lãi 9.909.677đ). Như vậy, Mỹ cho bà X vay số tiền 100.000.000đ, số tiền bà X đã trả 113.200.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 20.358.992đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 1.550.685đ, tiền gốc là 91.290.323đ. Số tiền vay gốc bà X còn nợ M là 8.709.677đ.

12. Võ Thị Hoài T2, (sinh năm 1976, trú thôn T, xã S, thị xã A): Ngày 07/3/2022, chị Võ Thị Hoài T2 vay Mỹ số tiền 5.000.000đ, trả 200.000đ/ ngày trong 31 ngày, với lãi suất 283%/ năm. Số tiền này, chị T2 đáo hạn 01 lần và đã trả đủ (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 2.400.000đ). Ngày 19/3/2022, chị T2 vay 2.000.000đ, trả 100.000đ/ ngày trong vòng 25 ngày, lãi suất 365%/năm thì trả đủ (tiền gốc 2.000.000đ + tiền lãi 500.000đ). Ngày 04/4/2022, vay 2.000.000đ thì trả đủ (tiền gốc 2.000.000đ + tiền lãi 500.000đ). Ngày 27/8/2022, vay tiếp 2.000.000đ thì trả đủ (tiền gốc 2.000.000đ + tiền lãi 500.000đ). Ngày 29/10/2022, vay 5.000.000đ, đáo hạn 3 lần, lần cuối trả được 13 ngày (tiền gốc 17.096.774đ + tiền lãi 4.103.226đ). Như vậy, Mỹ cho chị T2 vay số tiền 36.000.000đ, số tiền chị T2 đã trả 41.100.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 7.460.760đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 542.466đ, tiền gốc là 33.096.774đ. Số tiền vay gốc chị T2 còn nợ M là 2.903.226đ.

13. Nguyễn Thị Thanh M2 (sinh năm 1985, trú thôn T, xã T, thị xã A): Ngày 15/12/2022, chị Nguyễn Thị Thanh M2 vay Mỹ số tiền 5.000.000đ, trả 200.000đ trong 31 ngày, lãi suất 283%/ năm, đáo hạn 01 lần, lần cuối trả được 16 ngày thì M bị bắt. Như vậy, Mỹ cho chị M2 vay số tiền 10.000.000đ, số tiền chị M2 đã trả 9.400.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 1.690.588đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 128.767đ, tiền gốc là 7.580.645đ. Số tiền vay gốc chị M2 còn nợ M là 2.419.355đ.

14. Nguyễn Thị Hồng L3 (sinh năm 1986, trú đội A, thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai): Ngày 04/01/2022, chị L3 vay Mỹ số tiền 7.000.000đ, trả 300.000đ/ ngày trong 29 ngày với lãi suất 306%/ năm thì trả đủ (tiền gốc là 7.000.000đ + tiền lãi là 1.700.000đ). Ngày 12/3/2022, chị L3 vay 12.000.000đ, trả 500.000đ/ ngày trong 30 ngày, lãi suất 304%/ năm, đáo hạn 01 lần rồi trả đủ (tiền gốc là 24.000.000đ + tiền lãi là 6.000.000đ). Ngày 24/8/2022: Vay 7.000.000đ, trả 300.000đ/ ngày trong 27 ngày, lãi suất 212%/ năm thì trả đủ (tiền gốc 7.000.000đ + tiền lãi 1.100.000đ). Ngày 17/9/2022, vay 7.000.000đ, trả 300.000đ/ ngày trong 29 ngày, lãi suất 306%/ năm thì trả được 10 ngày (tiền gốc là 2.413.793đ + tiền lãi là 586.207đ). Ngày 27/10/2022: chị L3 tiếp tục vay 7.000.000đ, đáo hạn 1 lần thì trả đủ (tiền gốc là 14.000.000đ + tiền lãi là 3.400.000đ). Ngày 14/12/2022, vay 7.000.000đ trả 250.000đ/ ngày trong 36 ngày, lãi suất 290%/ năm thì trả được 13 ngày (tiền gốc là 2.527.778đ + tiền lãi là 722.222đ) . Như vậy, Mỹ cho chị L3 vay số tiền 66.000.000đ, số tiền chị L3 đã trả 70.450.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 12.588.429đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 920.000đ, tiền gốc là 56.941.571đ. Số tiền vay gốc chị L3 còn nợ M là 9.058.429đ.

15. Lê Thị H2 (sinh năm 1962, trú tổ D, phường T, thị xã A): Ngày 3/1/2022, bà Lê Thị H2 vay Mỹ số tiền 5.000.000đ, trả 200.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/ năm. Số tiền này, bà H2 vay thêm 2 lần, đã trả đủ 02 lần đầu, lần cuối

trả được 17 ngày. Như vậy, Mỹ cho bà H2 vay số tiền 15.000.000đ, số tiền bà H2 đã trả 15.800.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 2.841.626đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 216.438đ, tiền gốc là 12.741.935đ. Số tiền vay gốc bà H2 còn nợ M là 2.258.065đ.

16. Huỳnh Thị T3 (sinh năm 1982, trú tổ dân phố B, T, huyện K): Ngày 24/3/2022, chị Huỳnh Thị T3 vay Mỹ số tiền 20.000.000đ, trả 800.000đ/ ngày trong 31 ngày với lãi suất 283%/ năm, chị T3 đã trả hết khoản vay này (tiền gốc là 20.000.000đ + tiền lãi là 4.800.000đ). Ngày 18/8/2022, chị T3 vay 15.000.000đ, trả 600.000đ/ ngày trong vòng 31 ngày, lãi suất 283%/ năm thì trả đủ (tiền gốc 15.000.000đ + tiền lãi 3.600.000đ). Ngày 28/10/2022, chị T3 vay 10.000.000đ, trả 400.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/ năm thì đã trả đủ gốc và lãi (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 3.600.000đ). Ngày 25/11/2022: chị T3 vay 10.000.000đ, trả 400.000đ/ ngày trong 31 ngày lãi suất 283%/ năm thì trả đủ (tiền gốc 10.000.000đ + tiền lãi 2.400.000đ). Ngày 03/12/2022, vay 10.000.000đ thì trả đủ (tiền gốc 10.000.000đ + tiền lãi 2.400.000đ). Ngày 21/12/2022, vay 20.000.000đ trả được 8 ngày (tiền gốc là 5.161.290đ + tiền lãi là 1.238.710đ). Như vậy, Mỹ cho chị T3 vay số tiền 85.000.000đ, số tiền chị T3 đã trả 87.000.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 15.646.929đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 1.191.781đ, tiền gốc là 70.161.290đ. Số tiền vay gốc chị T3 còn nợ M là 14.838.710đ.

17. Phạm Thị T4 (sinh năm 1992, trú tổ dân phố B, T, huyện K): Ngày 31/10/2022, chị Phạm Thị T4 vay Đỗ Văn M số tiền 7.000.000đ, trả 300.000đ/ngày trong 29 ngày, lãi suất 306%/ năm, đáo hạn 03 lần, lần cuối trả 3 ngày. Như vậy, Mỹ cho chị T4 vay số tiền 28.000.000đ, số tiền chị T4 đã trả 27.000.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 4.930.657đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 345.205đ, tiền gốc là 21.724.138đ. Số tiền vay gốc chị T4 còn nợ M là 6.275.862đ.

18. Phan Thị Hồng P (sinh năm 1982, trú tổ dân phố B, T, huyện K): Ngày 21/8/2022, chị Phan Thị Hồng P vay 20.000.000đ, trả 800.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/ năm thì đã trả hết (tiền gốc là 20.000.000đ + tiền lãi là 4.800.000đ). Ngày 21/9/2022, chị P vay tiếp số tiền 20.000.000đ thì trả đủ (tiền gốc là 20.000.000đ + tiền lãi là 4.800.000đ). Ngày 24/10/2022, vay 20.000.000đ thì trả trả được 4 ngày thì không trả nữa (tiền gốc là 2.580.645đ + tiền lãi là 619.355đ). Ngày 04/11/2022, vay số tiền 10.000.000đ, trả 400.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 238%/ năm thì đã trả đủ (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 2.400.000đ). Ngày 16/11/2022: chị P vay số tiền 5.000.000đ, trả 200.000/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/ năm thì trả đủ (tiền gốc 5.000.000đ + tiền lãi 1.200.000đ). Ngày 23/11/2022, vay 10.000.000đ thì trả đủ (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 2.400.000đ). Ngày 07/12/2022, vay 5.000.000đ, đáo hạn

01 lần, lần cuối trả 3 ngày thì M bị bắt. Như vậy, Mỹ cho chị P vay số tiền 95.000.000đ, số tiền chị P đã trả 90.600.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 16.294.388đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 1.241.096đ, tiền gốc là 73.064.516đ. Số tiền vay gốc chị P còn nợ M là 21.935.484đ.

19. Nguyễn Công C (sinh năm 1955, trú tổ C, phường N, thị xã A): Ngày 05/01/2022, ông Nguyễn Công C vay Đỗ Văn M số tiền 3.000.000đ, trả 150.000đ/ ngày trong 26 ngày, lãi suất 421%/ năm, đã trả đủ (tiền gốc là 3.000.000đ + tiền lãi là 900.000đ). Ngày 06/3/2022, vay 5.000.000đ trả 200.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/ năm, đáo hạn 02 lần thì trả đủ (tiền gốc là 15.000.000đ + tiền lãi là 3.600.000đ). Ngày 13/3/2022, vay 3.000.000đ, đáo hạn 01 lần thì trả đủ (tiền gốc 6.000.000đ + tiền lãi 1.800.000đ). Ngày 16/8/2022, vay 5.000.000đ, đáo hạn 02 lần thì trả đủ (tiền gốc là 15.000.000đ + tiền lãi là 3.600.000đ). Ngày 22/9/2022, vay 3.000.000đ trả đủ (tiền gốc là 3.000.000đ + tiền lãi là 900.000đ). Ngày 29/10/2022, vay 3.000.000đ, đáo hạn 01 lần thì trả đủ (tiền gốc 6.000.000đ + tiền lãi 1.800.000đ). Ngày 5/11/2022, vay 5.000.000đ, đáo hạn 01 lần thì trả đủ (tiền gốc 10.000.000đ + tiền lãi 2.400.000đ). Ngày 01/12/2022, vay 5.000.000đ trả đủ (tiền gốc 5.000.000đ + tiền lãi 1.200.000đ). Cùng ngày vay 01 khoản 3.000.000đ, đáo hạn 01 lần, trả được 9 ngày (tiền gốc 4.038.462đ + tiền lãi 1.211.538đ). Ngày 03/12/2022, vay 5.000.000đ, đáo hạn 01 lần thì trả được 11 ngày (tiền gốc 6.774.194đ + tiền lãi 1.625.806đ). Như vậy, Mỹ cho ông C vay số tiền 79.000.000đ, số tiền ông C đã trả 92.850.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 17.843.920đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 1.193.425đ, tiền gốc là 73.812.655đ. Số tiền vay gốc ông C còn nợ M là 5.187.345đ.

20. Phạm Thị Ngọc Á (sinh năm 1987, trú tổ C, phường A, thị xã A): Ngày 29/12/2021, chị Phạm Thị Ngọc Á vay Đỗ Văn M số tiền 6.000.000đ, trả 250.000đ/ ngày trong 30 ngày, lãi suất 304%/ năm thì trả hết (tiền gốc là 6.000.000đ + tiền lãi là 1.500.000đ). Lần 2, lần 3, lần 4, lần 5: chị Á vay mỗi lần 6.000.000đ, đã trả đủ (tiền gốc 24.000.000đ + tiền lãi là 6.000.000đ). Lần 6, chị Á vay 2.000.000đ, trả 100.000đ/ ngày trong 25 ngày, trả 365%/ năm thì đã trả đủ (tiền gốc là 2.000.000đ +tiền lãi là 500.000đ). Lần 7: Vay 3.000.000, trả 150.000đ/ ngày trong 26 ngày, lãi suất 421%/ năm thì trả đủ (tiền gốc là 3.000.000đ + tiền lãi là 900.000đ). Lần 8: chị Á vay tiếp tục 6.000.000đ, đáo hạn 04 lần, trả 02 ngày thì M bị bắt (tiền gốc là 24.400.000đ + tiền lãi là 6.100.000đ). Như vậy, Mỹ cho chị Á vay số tiền 65.000.000đ, số tiền chị Á đã trả 74.400.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 14.035.616đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 964.384đ, tiền gốc là 59.400.000đ. Số tiền vay gốc chị Á còn nợ M là 5.600.000đ.

21. Lưu Văn T5 (sinh năm 1984, trú tổ B, phường N, thị xã A): Ngày 31/8/2022, anh Lưu Văn T5 vay Đỗ Văn M số tiền 5.000.000đ, trả 200.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/ năm thì trả đủ (tiền gốc là 5.000.000đ + tiền lãi là 1.200.000đ). Ngày 17/9/2022 anh T5 vay 7.000.000đ, trả 300.000đ/ ngày trong 29 ngày, lãi suất 306%/ năm thì trả đủ (tiền gốc là 7.000.000đ + tiền gốc là 1.700.000đ). Ngày 27/10/2022 anh T5 tiếp tục vay 7.000.000đ, đáo hạn 02 lần, lần cuối trả được 14 ngày (tiền gốc là 17.379.310đ + tiền lãi là 4.220.690đ). Như vậy,

M cho anh T5 vay số tiền 33.000.000đ, số tiền anh T5 đã trả 36.500.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 6.648.361đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 472.329đ, tiền gốc là 29.379.310đ. Số tiền vay gốc anh T5 còn nợ M là 3.620.690đ.

22. Nguyễn Thị X (sinh năm 1982, trú thôn F, xã T, thị xã A): Ngày 04/01/2022, chị Nguyễn Thị X vay Đỗ Văn M 10.000.000đ, trả 400.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/ năm thì trả đủ (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 2.400.000đ). Ngày 05/3/2022 chị X vay 5.000.000đ, trả 200.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/ năm, đáo hạn 02 lần thì trả đủ (tiền gốc là 15.000.000đ + tiền lãi là 3.600.000đ). Ngày 08/3/2022 chị X tiếp tục vay 5.000.000đ, đáo hạn 01 lần thì đã trả đủ (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 2.400.000đ). Ngày 30/8/2022, vay 5.000.000đ trả đủ (tiền gốc 5.000.000đ + tiền lãi 1.200.000đ). Ngày 23/10/2022, vay 5.000.000đ thì trả được 28 ngày (tiền gốc 4.516.129đ + tiền lãi 1.083.871đ). Như vậy, Mỹ cho chị X vay số tiền 45.000.000đ, số tiền chị X đã trả 55.200.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 9.927.707đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 756.164đ, tiền gốc là 44.516.129đ. Số tiền vay gốc chị X còn nợ M là 483.871đ.

23. Trần Văn B (sinh năm 1981, trú tổ B, phường A, thị xã A): Ngày 04/01/2022, anh Trần Văn B vay Đỗ Văn M số tiền 5.000.000đ, trả 200.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/ năm thì trả đủ (tiền gốc là 5.000.000đ + tiền lãi là 1.200.000đ). Ngày 11/3/2022, vay 5.000.000đ đáo hạn 01 lần thì trả đủ (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 2.400.000đ). Ngày 20/8/2022, vay 5.000.000đ đáo hạn 01 lần thì trả đủ (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 2.400.000đ). Ngày 27/8/2022, vay số tiền 5.000.000đ thì trả đủ (tiền gốc là 5.000.000đ + tiền lãi là 1.200.000đ). Ngày 22/9/2022, vay số tiền 5.000.000đ thì trả đủ (tiền gốc là 5.000.000đ + tiền lãi là 1.200.000đ). Ngày 17/10/2022, vay 5.000.000đ đáo hạn 01 lần thì trả đủ (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 2.400.000đ). Ngày 24/10/2022, vay số tiền 5.000.000đ thì trả đủ (tiền gốc là 5.000.000đ + tiền lãi là 1.200.000đ). Ngày 04/12/2022, vay 5.000.000đ đáo hạn 01 lần, lần cuối trả được 12 ngày (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 1.664.516đ). Như vậy, M cho anh B vay số tiền 60.000.000đ, số tiền anh B đã trả 70.600.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 12.697.393đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 967.123đ, tiền gốc là 56.935.484đ Số tiền vay gốc anh B còn nợ M là 3.064.516đ.

24. Bùi Thị Lệ T6 (tên gọi khác Tin, sinh năm 1983, trú tổ B, phường T, thị xã A): Ngày 26/8/2022, chị Bùi Thị Lệ T6 vay Đỗ Văn M số tiền 10.000.000đ, đóng 400.000đ/ ngày trong 30 ngày, lãi suất 243%/ năm, đáo hạn 01 lần thì trả đủ (tiền gốc là 20.000.000đ + tiền lãi là 4.000.000đ). Ngày 03/9/2022: chị T6 vay 10.000.000đ, đóng 400.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/ năm thì đã trả đủ (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 2.400.000đ). Ngày 24/10/2022, vay 10.000.000đ đóng 400.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/ năm thì trả đủ (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 2.400.000đ). Ngày 05/11/2022, vay 5.000.000đ, trả 200.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/ năm thì trả đủ (tiền gốc là 5.000.000đ + tiền lãi là 1.200.000đ). Ngày 09/11/2022, vay 10.000.000đ, trả đủ (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 2.400.000đ). Ngày 16/11/2022, vay

10.000.000đ, trả 400.000đ/ ngày trong 30 ngày thì trả đủ (tiền gốc 10.000.000đ + tiền lãi 2.000.000đ). Ngày 05/12/2022, vay tiếp 10.000.000đ, trả 400.000đ/ ngày trong 30 ngày lãi suất 243%/năm thì trả đủ (tiền gốc 10.000.000đ + tiền lãi 2.000.000đ). Ngày 09/12/2022, vay 5.000.000đ, đóng 200.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/ năm thì trả được 14 ngày (tiền gốc 2.258.065đ + tiền lãi 541.935đ). Như vậy, Mỹ cho chị T6 vay số tiền 80.000.000đ, số tiền chị T6 đã trả 94.200.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 15.651.525đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 1.290.411đ, tiền gốc là 77.258.065đ. Số tiền vay gốc chị T6 còn nợ M là 2.741.935đ.

25. Nguyễn Thị Mỹ H3 (sinh năm 1982, trú tổ E, phường T, thị xã A): Ngày 13/3/2022, chị Nguyễn Thị Mỹ H3 vay Đỗ Văn M số tiền 10.000.000đ, trả 400.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/ năm, đảo 01 lần thì trả đủ (tiền gốc là 20.000.000đ + tiền lãi là 4.800.000đ). Ngày 19/8/2022, vay tiếp 10.000.000đ, đáo hạn 01 lần thì trả đủ (tiền gốc là 20.000.000đ + tiền lãi là 4.800.000đ). Ngày 17/10/2022, vay tiếp 10.000.000đ, đáo hạn 5 lần, lần cuối trả được 07 ngày (tiền gốc 52.258.065đ + tiền lãi 12.541.935đ). Như vậy, Mỹ cho chị H3 vay số tiền 100.000.000đ, số tiền chị H3 đã trả 114.400.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 20.574.812đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 1.567.123đ, tiền gốc là 92.258.065đ. Số tiền vay gốc chị H3 còn nợ M là 7.741.935đ.

26. Tô Văn M3 (sinh năm 1970, trú thôn A, xã C, thị xã A): Ngày 02/01/2022, ông Tô Văn M3 vay Đỗ Văn M số tiền 2.000.000đ, trả 100.000đ/ ngày trong 25 ngày, lãi suất 365%/ năm thì đã trả đủ (tiền gốc là 2.000.000đ + tiền lãi là 500.000đ). Ngày 23/3/2022: ông M3 vay 2.000.000đ thì trả đủ gốc và lãi (tiền gốc là 2.000.000đ + tiền lãi là 500.000đ). Cùng ngày vay 5.000.000đ, trả 200.000đ trong 31 ngày, lãi suất 283%/năm thì trả đủ (tiền gốc 5.000.000đ + tiền lãi 1.200.000đ). Ngày 02/9/2022: Vay 7.000.000đ, trả 300.000đ/ ngày trong 27 ngày, lãi suất 212%/ năm thì trả đủ (tiền gốc là 7.000.000đ + tiền lãi là 1.100.000đ). Ngày 20/9/2022, vay tiếp 7.000.000đ, trả 300.000đ/ngày trong 29 ngày, lãi suất 306%/ năm thì trả đủ (tiền gốc là 7.000.000đ + tiền lãi là 1.700.000đ). Ngày 27/10/2022: ông M3 tiếp tục vay 7.000.000đ, đáo hạn 03 lần, lần cuối trả được 13 ngày (tiền gốc là 24.137.483đ + tiền lãi là 5.862.069đ). Như vậy, M cho ông M3 vay số tiền 51.000.000đ, số tiền ông M3 đã trả 58.000.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 10.123.987đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 738.082đ, tiền gốc là 47.137.931đ. Số tiền vay gốc ông M3 còn nợ M là 3.862.069đ.

27. Hoàng Thị Như Ý (sinh năm 1990, trú thôn A, xã S, thị xã A): Ngày 07/8/2022, chị Hoàng Thị Như Ý vay Đỗ Văn M số tiền 5.000.000đ, trả 200.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/ năm thì trả đủ (tiền gốc 5.000.000đ + tiền lãi 1.200.000đ). Ngày 28/3/2022 đến ngày 20/12/2022, vay 12 lần số tiền 5.000.000đ, đã trả đủ 11 lần, lần cuối trả 9 ngày (tiền gốc 56.451.613đ + tiền lãi 14.748.387đ). Ngày 25/12/2022, vay 5.000.000đ trả được 4 ngày (tiền gốc 645.161đ + tiền lãi 154.839đ). Như vậy, Mỹ cho chị Ý vay số tiền 70.000.000đ, số tiền chị Ý đã trả 77.000.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 13.848.431đ, tiền thu lợi dưới

20%/năm là 1.054.795đ, tiền gốc là 62.096.774đ. Số tiền vay gốc chị Ý còn nợ M là 7.903.226đ.

28. Nguyễn Thị Thúy H4 (sinh năm 1982, trú thôn N, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai): Ngày 28/3/2022, chị Nguyễn Thị Thúy H4 vay Đỗ Văn M số tiền 10.000.000đ, trả 400.000đ trong 31 ngày, lãi suất 283%/ năm thì đã trả đủ (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 2.400.000đ). Lần 2: chị H4 vay 10.000.000đ, đáo hạn 02 lần, lần cuối trả được 8 ngày (tiền gốc là 22.580.645đ + tiền lãi là 5.419.355đ). Lần 3: chị H4 vay 15.000.000đ, trả 600.000đ trong 31 ngày, lãi suất 283%/ năm, đáo hạn 01 lần thì trả đủ (tiền gốc là 30.000.000đ + tiền lãi là 7.200.000đ). Lần 4: chị H4 vay 15.000.000đ thì trả đủ (tiền gốc là 15.000.000đ + tiền lãi 3.600.000đ). Lần 5: vay 15.000.000đ, đáo hạn 02 lần, lần cuối trả 9 ngày (tiền gốc là 34.354.839đ + tiền lãi là 8.245.161đ). Như vậy, Mỹ cho chị H4 vay số tiền 130.000.000đ, số tiền chị H4 đã trả 138.800.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 24.963.146đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 1.909.370đ, tiền gốc là 111.935.484đ. Số tiền vay gốc chị H4 còn nợ M là 18.064.516đ.

29. Nguyễn Thị Tuyết T7 (sinh năm 1983, trú tổ G, phường A, thị xã A): Ngày 19/12/2021, chị Nguyễn Thị Tuyết T7 vay Đỗ Văn M số tiền 15.000.000đ, trả 600.000đ/ ngày trong 31, lãi suất 283%/ năm thì trả đủ (tiền gốc là 15.000.000đ + tiền lãi là 3.600.000đ). Lần 2: chị T7 vay 10.000.000đ, đóng 400.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/ năm, đáo hạn 01 lần thì trả đủ (tiền gốc là 20.000.000đ + tiền lãi là 4.800.000đ). Lần 3: vay 10.000.000đ thì đã trả đủ (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 2.400.000đ). Lần 4: chị T7 vay 15.000.000đ, đáo hạn 01 lần thì trả đủ (tiền gốc là 30.000.000đ + tiền lãi là 7.200.000đ). Lần 5: chị T7 vay 20.000.000đ, đóng 500.000đ/ ngày trong 48 ngày lãi suất 152%/ năm thì trả được 5 ngày (tiền gốc là 2.083.333đ+ tiền lãi là 416.667đ). Lần 6, lần 8 vay mỗi lần 10.000.000đ thì trả đủ (tiền gốc 20.000.000đ + tiền lãi là 4.800.000đ). Lần 7, 9, 10, vay mỗi lần 15.000.000đ thì đã trả đủ (tiền gốc là 45.000.000đ + tiền lãi là 10.800.000đ). Như vậy, Mỹ cho chị T7 vay số tiền 160.000.000đ, số tiền chị T7 đã trả 176.100.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 31.583.790đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 2.432.877đ, tiền gốc là 142.083.333đ. Số tiền vay gốc chị T7 còn nợ M là 17.916.667đ.

30. Trần Thị T8 (sinh năm 1976, trú tổ B, phường A, thị xã A): Ngày 17/8/2022, chị Trần Thị T8 vay Đỗ Văn M số tiền 5.000.000đ, trả 200.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/ năm thì trả đủ (tiền gốc 5.000.000đ + tiền lãi 1.200.000đ). Ngày 18/10/2022, chị vay số tiền 5.000.000đ, đáo hạn 04 lần, lần cuối trả 01 ngày (tiền gốc là 20.161.290đ + tiền lãi là 4.838.710đ). Như vậy, Mỹ cho chị T8 vay số tiền 30.000.000đ, số tiền chị T8 đã trả 31.200.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 5.611.312đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 427.397đ, tiền gốc là 25.161.290đ. Số tiền vay gốc chị T8 còn nợ M là 4.838.710đ.

31. Lê Minh T9 (sinh năm 1985, trú tổ dân phố A, T, huyện K): Ngày 24/12/2022, anh Lê Minh T9 vay Đỗ Văn M số tiền 5.000.000đ, trả 250.000đ/ ngày trong 25 ngày, lãi suất 365%/ năm thì đóng được 4 ngày. Như vậy, M cho anh T9 vay số tiền 5.000.000đ, số tiền anh T9 đã trả 1.000.000đ, trong đó số tiền

thu lợi bất chính là 189.041đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 10.959đ, tiền gốc là 800.000đ. Số tiền vay gốc anh T9 còn nợ M là 4.200.000đ.

32. Đặng Thị G (sinh năm 1973, trú tổ dân phố B, T, huyện K, tỉnh Gia Lai): Ngày 31/8/2022, bà Đặng Thị G vay Đỗ Văn M số tiền 10.000.000đ, trả 400.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/ năm thì đã trả đủ (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 2.400.000đ). Ngày 20/10/2022, bà G vay 10.000.000đ, đáo hạn 3 lần, lần cuối trả 3 ngày (tiền gốc là 30.967.742đ + tiền lãi là 7.432.258đ). Như vậy, Mỹ cho bà G vay số tiền 50.000.000đ, số tiền bà G đã trả 50.800.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 9.136.368đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 695.890đ, tiền gốc là 40.967.742đ. Số tiền vay gốc bà G còn nợ M là 9.032.258đ.

33. Châu Thị Bảo V (sinh năm 1976, trú tổ B, phường A, thị xã A): Ngày 07/3/2022, chị Châu Thị Bảo V vay Đỗ Văn M số tiền 7.000.000đ, trả 300.000đ/ ngày trong 29 ngày, lãi suất 306%/ năm, đáo hạn 02 lần thì trả đủ (tiền gốc là 21.000.000đ + tiền lãi là 5.100.000đ). Ngày 26/8/2022, vay 7.000.000đ thì trả đủ (tiền gốc 7.000.000đ + tiền lãi 1.700.000đ). Ngày 22/10/2022, chị V vay 7.000.000đ, đáo hạn 4 lần, lần cuối trả được 11 ngày (tiền gốc là 30.655.172đ + tiền lãi là 7.444.828đ). Như vậy, Mỹ cho chị V vay số tiền 63.000.000đ, số tiền chị V đã trả 72.900.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 13.312.773đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 932.055đ, tiền gốc là 58.655.172đ. Số tiền vay gốc chị V còn nợ M là 4.344.828đ.

34. Lê Thị H5 (sinh năm 1982, trú tổ C, phường A, thị xã A): Ngày 25/8/2022, chị Lê Thị H5 vay Đỗ Văn M số tiền 7.000.000đ, trả 300.000đ/ ngày trong 29 ngày, lãi suất 306%/ năm thì trả đủ (tiền gốc là 7.000.000đ + tiền lãi là 1.700.000đ). Lần 2: chị H5 vay 10.000.000đ, trả 400.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/ năm thì đã trả đủ (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 2.400.000đ). Lần 3, lần 4: mỗi lần vay 7.000.000đ, đã trả đủ gốc và lãi (tiền gốc là 14.000.000đ + tiền lãi là 3.400.000đ). Như vậy, Mỹ cho chị H5 vay số tiền 31.000.000đ, số tiền chị H5 đã trả 38.500.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 6.996.438đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 503.562đ.

35. Đinh Thị T10 (sinh năm 1978, trú tổ A, TT Kongchro, huyện K): Ngày 25/6/2022, chị Đinh Thị T10 vay Đỗ Văn M 10.000.000đ, trả 400.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/ năm, đáo hạn 02 lần thì trả đủ Như vậy, Mỹ cho chị T10 vay số tiền 30.000.000đ, số tiền chị T10 đã trả 37.200.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 6.690.411đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 509.589đ.

36. Trần Thị Đ1 (sinh năm 1974, trú tổ A, phường A, thị xã A): Ngày 31/12/2021, bà Trần Thị Đ1 vay Đỗ Văn M số tiền 5.000.000đ, trả 200.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/ năm thì đã trả đủ (tiền gốc là 5.000.000đ + tiền lãi là 1.200.000đ). Ngày 01/01/2022: bà Đ1 vay 11.000.000đ, trả 400.000đ/ ngày trong 34 ngày, lãi suất 254%/ năm thì trả được đủ (tiền gốc là 11.000.000đ + tiền lãi là 2.600.000đ). Ngày 18/3/2022: vay 10.000.000đ, trả 400.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 243%/ năm, đáo hạn 01 lần thì trả đủ (tiền gốc là 20.000.000đ + tiền lãi là 4.000.000đ). Ngày 17/8/2022, vay 10.000.000đ, trả được 21 ngày (tiền gốc

6.774.194 + tiền gốc 1.625.806đ). Ngày 22/8/2022, vay 10.000.000đ trả được 7 ngày (tiền gốc là 2.333.333đ + tiền lãi là 466.667đ). Như vậy, Mỹ cho bà Đ1 vay số tiền 56.000.000đ, số tiền bà Đ1 đã trả 45.000.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 7.359.339đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 621.370đ, tiền gốc là 37.019.292đ. Số tiền vay gốc bà Đ1 còn nợ M là 18.980.708đ.

37. Bùi Thị H6 (sinh năm 1986, trú tổ E, phường A, thị xã A): Ngày 08/3/2022. chị Bùi Thị H6 vay Đỗ Văn M 1.000.000đ, trả 50.000đ/ ngày trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm thì trả đủ (tiền gốc là 1.000.000đ + tiền lãi là 250.000đ). Ngày 27/3/2022: chị H6 vay 2.000.000đ, trả 100.000đ/ ngày trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm thì trả đủ (tiền gốc là 2.000.000đ + tiền lãi là 500.000đ). Như vậy, Mỹ cho chị H6 vay số tiền 3.000.000đ, số tiền chị H6 đã trả 3.750.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 708.904đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 41.096đ.

38. Nguyễn Thị Hồng L3 (sinh năm 1989, trú tổ B, phường A, thị xã A): Ngày 03/1/2022, chị Nguyễn Thị Hồng L3 vay Đỗ Văn M số tiền 5.000.000đ, trả 200.000đ trong 30 ngày, lãi suất 243%/ năm, trả hết (tiền gốc là 5.000.000đ + tiền lãi là 1.000.000đ). Ngày 13/3/2022: vay 5.000.000đ thì trả đủ (tiền gốc 6.000.000đ +tiền lãi 1.000.000đ). Ngày 16/3/2022, vay 5.000.000đ thì trả được 8 ngày (tiền gốc 1.333.333đ + tiền lãi 266.667đ). Như vậy, Mỹ cho chị L3 vay số tiền 15.000.000đ, số tiền chị L3 đã trả 13.600.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 2.080.365đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 186.301đ, tiền gốc là 11.333.333đ. Số tiền vay gốc chị L3 còn nợ M là 3.666.667đ.

39. Lê Đức H7 (sinh năm 1987, trú tổ A, phường A, thị xã A): Ngày 11/3/2022, anh Lê Đức H7 vay Đỗ Văn M 12.000.000đ, trả 500.000đ/ ngày trong 30 ngày, lãi suất 304%/ năm thì trả đủ (tiền gốc là 12.000.000đ + tiền lãi là 3.000.000đ). Ngày 31/3/2022: anh H7 vay 5.000.000đ, trả 200.000đ/ ngày trong 30 ngày, lãi suất 243%/ năm thì trả được 10 ngày (tiền gốc là 1.666.667đ + tiền lãi là 333.333đ). Như vậy, M cho anh H7 vay số tiền 17.000.000đ, số tiền anh H7 đã trả 17.000.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 3.108.676đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 224.658đ, tiền gốc là 13.666.667đ. Số tiền vay gốc anh H7 còn nợ M là 3.333.333đ.

40. Nguyễn Thị Bích P1 (sinh năm 1990, trú tổ A, phường A, thị xã A): Ngày 15/8/2022, chị Nguyễn Thị Bích P1 vay Đỗ Văn M số tiền 5.000.000đ, trả 200.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/ năm, khoản này vay này đáo 01 lần thì trả đủ gốc và lãi. Như vậy, Mỹ cho chị P1 vay số tiền 10.000.000đ, số tiền chị P1 đã trả 12.400.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 2.230.137đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 169.863đ, tiền gốc là 10.000.000đ.

41. Trương Minh H8 (sinh năm 1994, trú tổ H, phường A, thị xã A): Ngày 20/8/2022, anh Trương Minh H8 vay Đỗ Văn M số tiền 5.000.000đ, trả 200.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/ năm, đáo hạn 02 lần thì trả đủ gốc và lãi (tiền gốc 15.000.000đ + tiền lãi 3.600.000đ). Ngày 29/10/2022. Vay 5.000.000đ thì trả được 11 ngày (tiền gốc 1.774.194đ + tiền lãi 425.806đ). Như vậy, M cho anh H8 vay số tiền 20.000.000đ, số tiền anh H8 đã trả 20.800.000đ, trong đó số tiền thu lợi

bất chính là 3.740.875đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 284.932đ, tiền gốc là 16.774.194đ, còn nợ 3.225.806đ

42. Châu Thị T11 (sinh năm 1976, trú tổ A, phường T, thị xã A):

Ngày 24/3/2022, chị Châu Thị T11 vay Đỗ Văn M số tiền 10.000.000đ trả 400.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/ năm thì trả đủ (tiền gốc 10.000.000đ + tiền lãi 2.400.000đ. Ngày 29/8/2022, chị T11 vay M số tiền 5.000.000đ, trả 200.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/ năm, đáo hạn 01 lần thì trả đủ gốc và lãi (tiền gốc 10.000.000đ + tiền lãi 2.400.000đ). Như vậy, Mỹ cho chị T11 vay số tiền 20.000.000đ, số tiền chị T11 đã trả 24.800.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 4.460.274đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 339.726đ, tiền gốc là 20.000.000đ.

43. Nguyễn Thị T12 (sinh năm 1965, trú tổ E, phường A, thị xã A): Ngày 30/12/2021, bà Nguyễn Thị T12 vay Đỗ Văn M số tiền 2.000.000đ, trả 100.000đ/ ngày trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm thì trả đủ (tiền gốc là 2.000.000đ + tiền lãi là 500.000đ). Ngày 17/3/2022: vay 5.000.000đ, trả 200.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/năm, đảo 01 lần thì trả đủ gốc và lãi (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 2.400.000đ). Như vậy, Mỹ cho bà T12 vay số tiền 12.000.000đ, số tiền bà T12 đã trả 14.900.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 2.702.740đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 197.260đ, tiền gốc là 12.000.000đ.

44. Trần Thị N (sinh năm 1971, trú tổ A, phường A, thị xã A): Ngày 30/12/2021, bà Trần Thị N vay Đỗ Văn M số tiền 7.000.000đ, trả 300.000đ/ ngày trong 29 ngày thì trả đủ (tiền gốc 7.000.000đ + tiền lãi 1.700.000đ). Ngày 01/01/2022, bà N vay 13.000.000đ, trả 400.000đ/ ngày trong 38 ngày thì trả đủ (tiền gốc là 15.000.000đ+ tiền lãi là 2.200.000đ). Ngày 23/8/2022, vay 15.000.000đ, trả 600.000đ/ ngày trong 31 ngày thì trả đủ (tiền gốc 15.000.000đ + tiền lãi 3.600.000đ). Ngày 03/9/2022, vay 12.000.000đ, trả 300.000đ/ ngày trong 48 ngày, lãi suất 152%/ năm thì trả được 10 ngày (tiền gốc 2.500.000đ + tiền lãi 500.000đ). Như vậy, Mỹ cho bà N vay số tiền 47.000.000đ, số tiền bà N đã trả 45.500.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 7.297.534đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 702.466đ, tiền gốc là 37.500.000đ. Số tiền vay gốc mà bà N còn nợ M là 9.500.000đ.

45. Võ Thị Hoàng Y (sinh năm 1985, trú tổ A, phường A, thị xã A): Ngày 24/12/2022, chị Võ Thị Hoàng Y vay Mỹ số tiền 5.000.000đ, trả 200.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/năm thì trả được 4 ngày. Như vậy, Mỹ cho chị Y vay số tiền 5.000.000đ, số tiền chị Y đã trả 800.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 143.880đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 10.959đ, tiền gốc là 645.161đ. Số tiền vay gốc mà chị Y còn nợ M là 4.354.839đ.

46. Lê Thị Thu H9 (sinh năm 1978, trú tổ H, phường A, thị xã A): Ngày 30/12/2021, chị Lê Thị Thu H9 vay Đỗ Văn M số tiền 5.000.000đ, trả 200.000đ/ ngày trong vòng 31, lãi suất 283%/năm thì đã trả đủ gốc và lãi. Như vậy, Mỹ cho chị H9 vay số tiền 5.000.000đ, số tiền chị H9 đã trả 6.200.000đ, trong đó số tiền

thu lợi bất chính là 1.115.068đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 84.932đ, tiền gốc là 5.000.000đ.

47. Trần Thị Ánh N1 (sinh năm 1971, trú thôn A, xã S, thị xã A): Ngày 28/8/2022, bà Thị Ánh N1 vay Đỗ Văn M số tiền 5.000.000đ, trả 200.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/năm thì trả đủ (tiền gốc là 5.000.000đ + tiền lãi là 1.200.000đ). Ngày 02/9/2022, vay tiếp 5.000.000đ, đáo hạn 01 lần thì trả đủ (tiền gốc 10.000.000đ + tiền lãi 2.400.000đ). Ngày 25/10/2022, vay 5.000.000đ thì trả đủ (tiền gốc 5.000.000đ + tiền lãi 1.200.000đ). Ngày 03/11/2022, vay 5.000.000đ thì trả đủ (tiền gốc 5.000.000đ + tiền lãi 1.200.000đ). Như vậy, Mỹ cho bà N1 vay số tiền 25.000.000đ, số tiền bà N1 đã trả 31.000.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 5.575.342đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 424.658đ.

48. Diệp Thị Phương T13 (sinh năm 1968, trú tổ C, phường A, thị xã A): Ngày 01/01/2022, bà Diệp Thị Phương T13 vay Mỹ số tiền 5.000.000đ, trả 200.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/năm thì trả đủ (tiền gốc là 5.000.000đ +tiền lãi là 1.200.000đ). Ngày 07/3/2022: bà T13 vay 3.000.000đ, trả 150.000đ/ ngày trong 26 ngày, lãi suất 421%/năm thì trả đủ (tiền gốc 3.000.000đ + tiền lãi 900.000đ). Ngày 16/3/2022, vay 5.000.000đ, trả đủ (tiền gốc là 5.000.000đ +tiền lãi là 1.200.000đ). Ngày 20/3/2022, vay 3.000.000đ, thì trả đủ (tiền gốc 3.000.000đ + tiền lãi 900.000đ). Ngày 02/4/2022, vay 5.000.000đ, trả đủ (tiền gốc là 5.000.000đ +tiền lãi là 1.200.000đ). Ngày 21/8/2022, vay 3.000.000đ, đáo hạn 02 lần thì trả xong (tiền gốc 9.000.000đ + tiền lãi 2.700.000đ). Ngày 28/8/2022, vay 5.000.000đ trả xong (tiền gốc là 5.000.000đ +tiền lãi là 1.200.000đ). Ngày 20/10/2022, vay 3.000.000đ, đáo 04 lần, lần cuối trả 9 ngày (tiền gốc 13.038.462đ + tiền lãi 3.911.538đ). Ngày 26/10/2022, vay 5.000.000đ, đáo hạn 04 lần, lần cuối trả được 3 ngày (tiền gốc 20.483.871đ + tiền lãi 4.916.129đ). Như vậy, Mỹ cho bà T13 vay số tiền 75.000.000đ, số tiền bà T13 đã trả 86.650.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 17.040.544đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 1.087.123đ, tiền gốc là 68.522.333đ. Số tiền vay gốc mà bà T13 còn nợ Mỹ là 6.477.667đ.

49. Nguyễn Thị D2 (sinh năm 1975, trú tổ B, phường N, thị xã A): Ngày 05/01/2022, bà Nguyễn Thị D2 vay Đỗ Văn M số tiền 10.000.000đ, trả 400.00đ/ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/năm thì trả đủ (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 2.400.000đ). Ngày 17/3/2022: bà D2 vay 10.000.000đ trả đủ ((tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 2.400.000đ). Ngày 21/3/2022, vay tiếp 10.000.000đ, đáo hạn 01 lần thì trả đủ (tiền gốc 20.000.000đ + tiền lãi 4.800.000đ). Ngày 26/3/2023, vay 10.000.000đ trả đủ (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 2.400.000đ). Ngày 02/4/2023, vay 10.000.000đ trả đủ (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 2.400.000đ). Như vậy, Mỹ cho bà D2 vay số tiền 60.000.000đ, số tiền bà D2 đã trả 49.600.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 8.920.548đđ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 679.452đ.

50. Trần Văn H10 (sinh năm 1982, trú thôn A, xã P, huyện Đ): Ngày 31/12/2021, anh Trần Văn H10 vay Đỗ Văn M số tiền 5.000.000đ, trả 200.000đ/ ngày trong 30 ngày, lãi suất 243%/năm thì đã trả đủ (tiền gốc là 5.000.000đ + tiền lãi là 1.000.000đ). Ngày 01/4/2022, vay 5.000.000đ, trả 200.000đ/ ngày trong vòng

31 ngày, lãi suất 283%/ năm thì trả đủ gốc và lãi (tiền gốc là 5.000.000đ + tiền lãi là 1.200.000đ). Ngày 22/11/2022, vay 5.000.000đ, trả 200.000đ/ ngày trong 30 ngày, lãi suất 243%/ năm thì trả đủ (tiền gốc là 5.000.000đ + tiền lãi là 1.000.000đ). Như vậy, M cho anh H10 vay số tiền 15.000.000đ, số tiền anh H10 đã trả 18.200.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 2.950.685đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 249.315đ.

51. Hà Thị Kiều O (sinh năm 1976, trú tổ A, phường A, thị xã A): Ngày 08/3/2022, chị Hà Thị Kiều O vay Mỹ số tiền 5.000.000đ, trả 200.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/ năm, đáo hạn 01 lần thì trả được 26 ngày. Như vậy, Mỹ cho chị O vay số tiền 10.000.000đ, số tiền chị O đã trả 11.400.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 2.050.287đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 156.164đ, tiền gốc là 9.193.548đ. Số tiền gốc chị O còn nợ M là 806.452đ.

52. Đoàn Thị Bích V1 (sinh năm 1978, trú tổ A, phường N, thị xã A): Ngày 06/3/2022, chị Đoàn Thị Bích V1 vay Đỗ Văn M số tiền 5.000.000đ, trả 200.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/năm, trả được 14 ngày thì không trả nữa. Như vậy, Mỹ cho chị V1 vay số tiền 5.000.000đ, số tiền chị V1 đã trả 2.800.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 503.579đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 38.356đ, tiền gốc là 2.258.065đ. Chị V1 còn nợ tiền gốc là 2.741.935đ.

53. Phan Thị Thanh T14 (sinh năm 1983, trú tổ dân phố B, T, huyện K): Ngày 28/12/2021, chị Phan Thị Thanh T14 vay Đỗ Văn M số tiền 10.000.000đ, trả 400.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/năm thì trả đủ (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 2.400.000đ). Lần 2: vay 10.000.000đ, đáo hạn 01 lần thì trả đủ (tiền gốc là 20.000.000đ + tiền lãi là 4.800.000đ). Lần 3: vay 10.000.000đ, đáo hạn 03 lần, lần cuối trả được 13 ngày (tiền gốc là 34.193.548đ + tiền lãi là 8.206.452đ). Lần 4: vay 10.00.000đ trả đủ (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 2.400.000đ). Lần 5: vay 10.000.000đ, lần cuối trả 12 ngày (tiền gốc là 3.870.968đ + tiền lãi là 929.032đ). Như vậy, Mỹ cho chị T14 vay số tiền 90.000.000đ, số tiền chị T14 đã trả 96.800.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 17.409.456đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 1.326.027đ, tiền gốc là 78.064.516đ. Chị T14 còn nợ tiền gốc là 11.935.484đ.

54. Phan Thị T15 (sinh năm 1982, trú tổ dân phố P, T, huyện K): Ngày 31/12/2021, chị Phan Thị T15 vay Đỗ Văn M số tiền 10.000.000đ, trả 400.000đ/ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/năm thì trả đủ (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 2.400.000đ). Lần 2: vay 12.000.000đ, trả 500.000đ/ ngày trong 30 ngày, lãi suất 304%/năm thì trả được 16 ngày (tiền gốc là 6.400.00đ + tiền lãi là 1.600.000đ). Lần 3: vay 7.000.000đ, trả 300.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 387%/ năm, đáo hạn 01 lần, lần cuối trả được 24 ngày (tiền gốc là 12.419.355đ + tiền lãi là 4.080.645đ). Như vậy, Mỹ cho chị T15 vay số tiền 36.000.000đ, số tiền chị T15 đã trả 36.900.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 7.594.618đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 486.027đ, tiền gốc là 28.819.355đ. Chị T15 còn nợ tiền gốc là 7.180.645đ.

55. Nguyễn Thị H11 (sinh năm 1974, trú tổ G, phường T, thị xã A): Ngày 03/11/2022, bà Nguyễn Thị H11 vay Đỗ Văn M số tiền 7.000.000đ, trả 300.000đ/ ngày trong 29 ngày, lãi suất 306%/năm thì trả đủ (tiền gốc là 7.000.000đ + tiền lãi là 1.700.000đ). Lần 2: vay 10.000.000đ, trả 400.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/năm, đáo hạn 01 lần thì trả được 03 ngày (tiền gốc là 10.967.742đ + tiền lãi là 2.632.258đ). Như vậy, Mỹ cho bà H11 vay số tiền 27.000.000đ, số tiền bà H11 đã trả 22.300.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 4.034.724đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 297.534đ, tiền gốc là 17.967.742đ. Bà H11 còn nợ tiền gốc là 9.032.258đ.

56. Phan Thị T16 (sinh năm 1973, trú tổ D, phường N, thị xã A): Ngày 30/12/2021, bà Phan Thị T16 vay Đỗ Văn M số tiền 10.000.000đ, trả 400.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/năm thì trả đủ (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 2.400.000đ). Ngày 08/3/2022: vay 12.000.000đ, trả 500.000đ/ngày trong 30 ngày, đáo hạn 01 lần rồi trả đủ (tiền gốc là 24.000.000đ + tiền lãi 6.000.000đ). Ngày 19/8/2023, vay 12.000.000đ, trả xong (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 2.400.000đ). Ngày 25/8/2022, vay 5.000.000đ, trả 200.000đ/ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/năm thì trả đủ gốc và lãi (tiền gốc là 5.000.000đ + tiền lãi 1.200.000đ). Ngày 18/9/2022: vay 12.000.000đ thì trả đủ (tiền gốc 12.000.000đ + tiền lãi là 3.000.000đ). Ngày 24/9/2022: vay 5.000.000đ, trả 200.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/ năm thì trả đủ (tiền gốc là 5.000.000đ + tiền lãi là 1.200.000đ). Ngày 20/10/2022: vay 5.000.000đ, trả 200.000đ/ ngày trong 30 ngày, lãi suất 243%/ năm thì trả được 12 ngày (tiền gốc là 2.000.000đ + tiền lãi là 400.000đ). Ngày 27/12/2022: vay 12.000.000đ, trả được 6 ngày (tiền gốc là 2.400.000 + tiền lãi 600.000đ). Ngày 09/12/2022, vay 7.000.000đ, trả 300.000đ/ ngày trong 29 ngày thì trả đủ (tiền gốc 7.000.000đ + tiền lãi 1.700.000đ).

Thấy bà T16 nợ nhiều, M cộng tiền gốc và lãi các khoản vay chưa trả là 15.600.000đ, ấn định trả 300.000đ/ngày trong 60 ngày. Bà T16 đã trả được 31 ngày tương ứng với số tiền 9.300.000đ với tiền lãi thu lợi bất chính là 975.014đ. Như vậy, Mỹ cho bà T16 vay số tiền 92.000.000đ, bà T16 đã trả được 108.200.000đ trong đó tiền thu lợi bất chính là 19.162.685đ, tiền lãi dưới 20%/ năm là 1.577.315đ. Số tiền gốc còn nợ M là 7.540.000đ.

57. Châu Thị N2 (sinh năm 1975, trú tổ G, phường T, thị xã A): Ngày 03/1/2022, bà Châu Thị N2 vay Đỗ Văn M số tiền 7.000.000đ, trả 300.000đ/ ngày trong 29 ngày, lãi suất 306%/năm thì trả đủ (tiền gốc là 7.000.000đ + tiền lãi là 1.700.000đ). Ngày 17/3/2022: bà N2 vay 7.000.000đ, đáo hạn 01 lần, lần cuối trả 12 ngày (tiền gốc là 9.896.552đ + tiền lãi là 2.403.448đ). Như vậy, Mỹ cho bà N2 vay số tiền 21.000.000đ, số tiền bà N2 đã trả 21.000.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 3.834.955đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 268.493đ, tiền gốc là 16.896.552đ. Bà N2 còn nợ tiền gốc là 4.103.448đ.

58. Lê Minh K (sinh năm 1971, trú tổ G, phường T, thị xã A): Ngày 19/9/2022, ông Lê Minh K vay Đỗ Văn M số tiền 10.000.000đ, trả 500.000đ/ngày trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm thì trả đủ (tiền gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là

2.500.000đ). Ngày 19/10/2022: vay 15.000.000đ, trả 600.000đ/ ngày trong 31 ngày, đáo hạn 03 lần thì trả đủ (tiền gốc 60.000.000đ + tiền lãi 14.400.000đ). Ngày 18/12/2022, vay 15.000.000đ thì trả được 8 ngày (tiền gốc 3.870.968đ + tiền lãi 929.032đ). Như vậy, Mỹ cho ông K vay số tiền 85.000.000đ, số tiền ông K đã trả 91.700.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 16.607.114đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 1.221.918đ, tiền gốc là 73.870.968đ. ông K còn nợ tiền gốc là 11.129.032đ.

59. Tô Thị Thanh T17 (sinh năm 1991, trú thôn A, xã S, thị xã A): Ngày 02/01/2022, chị Tô Thị Thanh T17 vay Đỗ Văn M số tiền 6.000.000đ, trả 250.000đ/ ngày trong 30 ngày, lãi suất 304%/năm thì trả đủ (tiền gốc là 6.000.000đ + tiền lãi là 1.500.000đ). Ngày 21/3/2022: vay 5.000.000đ, trả 200.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/năm thì trả đủ (tiền gốc là 5.000.000đ +tiền lãi là 1.200.000đ). Ngày 30/8/2022, vay 7.000.000đ, trả 300.000đ/ ngày trong 29 ngày, lãi suất 306%/năm thì trả đủ (tiền gốc là 7.000.000đ + tiền lãi là 1.700.000đ). Ngày 19/10/2022: vay 2.000.000đ, trả 100.000đ/ ngày trong 25 ngày, lãi suất 365%/ năm thì trả đủ (tiền gốc 2.000.000đ + tiền lãi 500.000đ). Ngày 29/10/2022, vay 10.000.000đ, trả 400.000đ/ ngày trong 31 ngày, lãi suất 283%/ năm, đáo hạn 02 lần, lần cuối trả được 7 ngày (tiền gốc 22.583.065đ + tiền lãi 5.341.935đ). Như vậy, Mỹ cho chị T17 vay số tiền 62.000.000đ, số tiền chị T17 đã trả 67.400.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 12.244.401đ, tiền thu lợi dưới 20%/năm là 897.534đ, tiền gốc là 54.258.065đ, chị T17 còn nợ tiền gốc là 7.741.935đ.

Như vậy tổng số tiền bị cáo đã cho 59 người vay là 2.554.000.000đ. Số tiền người vay đã trả là 2.783.500.000đ, trong đó tổng số tiền lãi theo mức lãi suất dưới 20%/năm là 37.637.589đ, tiền thu lợi bất chính là 501,793,999đ, số tiền gốc người vay chưa trả cho M là 307,931,588đ.

Quá trình điều tra đã thu giữ của bị cáo: 01 xe môtô biển số 82B1- 298.42; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô; tiền Việt Nam đồng 5.350.000đ; 01 thẻ ATM; 01 sổ tạm trú tên Nguyễn Công D3; 01 chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị X; 02 Giấy biên nhận in, viết tay trên tờ giấy khổ A5 tên Nguyễn Thị X và Lê Thị H5; 14 Giấy biên nhận in trên tờ giấy khổ A5, chưa điền thông tin; 49 tờ giấy in, viết tay tên, tiền của người vay trên tờ giấy khổ A4 được kẹp trong 01 bìa hồ sơ bằng nhựa cứng màu xanh; 14 tờ giấy in, viết tay tên, ngày và đánh số ngày nộp tiền trên tờ giấy khổ A4 được kẹp trong 01 bìa hồ sơ bằng nhựa cứng màu xanh; 01 cây viết bi màu xanh - đen, mực xanh; 01 cây viết bi màu vàng – đen, mực xanh; 01 căn cước công dân mang tên Đỗ Văn M; 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno8 Z 5G màu đen, gắn sim điện thoại 0977325135; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh đen có gắn sim số điện thoại 0386176835 và 0979854135. Đối với một số giấy biên nhận nợ mà người vay đã viết giao cho M giữ, sau khi thu hồi nợ xong, M đã vứt mất nên không truy tìm được.

Căn cứ vào giấy theo dõi tiền vay do bị cáo lập đã thu giữ xác định ngoài 59 người nêu trên còn bị cáo còn cho 13 người vay với mức lãi suất từ 283%/năm đến 365%/năm với tổng số tiền cho vay là 283.000.000đ, thu lợi bất chính là 27.441.846đ. Tuy nhiên quá trình điều tra không xác định được tên, địa chỉ cụ thể

và không làm việc được với họ nên không có căn cứ để xác định số tiền vay và tiền thu lợi bất chính trên.

Cáo trạng số 34/CT-VKS ngày 07/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Đỗ Văn M về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đỗ Văn M phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Văn M từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Văn M từ 30.000.000đ đồng đến 40. 000.000đ để sung ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Tiền Việt Nam đồng, tổng số 5.350.000đ; 01 xe mô tô biển số 82B1-298.42 kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105. Tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ ngân hàng A; 02 bìa hồ sơ bằng nhựa cứng màu xanh; 01 cây viết bi màu xanh - đen, mực xanh; 01 cây viết bi màu vàng – đen, mực xanh; Sim số điện thoại 0386176835 và 0979854135. Trả lại cho bị cáo 01 Thẻ căn cước công dân số tên Đỗ Văn M; 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno8 Z 5G có gắn sim số điện thoại 0977325135. Trả lại cho bà Nguyễn Thị X 01 chứng minh nhân dân số tên Nguyễn Thị X. Trả cho bà Phan Thị Lệ T1 01 sổ tạm trú tên Nguyễn Công D3, số B.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị buộc bị cáo phải nộp lại số tiền sử dụng vào mục đích cho vay để sung ngân sách Nhà nước là 2.240.718.412đ; nộp sung ngân sách Nhà nước số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay là 37.637.589đ. Buộc bị cáo phải trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người vay là 501.793.999đ. Buộc những người vay phải nộp lại số tiền vay gốc chưa trả cho bị cáo để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước với tổng số tiền là 307.931.588đ.

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, do đó đã có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2021 đến tháng 12/2022 bị cáo Đỗ Văn M đã cho 59 người vay tiền với tổng số tiền cho vay là 2.554.000.000đ đồng, lãi suất cho vay từ 152%/năm đến

421%/năm, cao gấp từ 7,6 đến 21,05 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự (20%/năm), thu lợi bất chính tổng số tiền 501.793.999đ. Do vậy hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiệm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cần được xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Về hình phạt: Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi cho vay lãi nặng vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, xâm phạm đến lợi ích của công dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Trên cơ sở cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần áp dụng hình phạt tù, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ một thời gian để bị cáo có điều kiện học tập, cải tạo trở thành công dân tốt.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước các vật chứng là phương tiện phạm tội, tiền do phạm tội mà có đã thu giữ, cụ thể: 01 xe mô tô biển số 82B1- 298.42 cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô; Tiền Việt Nam đồng 5.350.000đ; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh đen.

- Tịch thu tiêu hủy tài sản là phương tiện phạm tội không có giá trị, cụ thể: 01 thẻ ngân hàng A; sim số điện thoại 0386176835 và 0979854135; 01 cây viết bi màu xanh - đen, mực xanh; 01 cây viết bi màu vàng – đen, mực xanh; 02 bìa cứng màu xanh.

- Trả lại cho bị cáo đồ vật, tài sản không liên quan đến việc phạm tội: 01 căn cước công dân mang tên Đỗ Văn M; 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno8 Z 5G có gắn sim điện thoại 0977325135.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị X 01 chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị X;

- Trả lại cho bà Phan Thị Lệ T1 01 sổ tạm trú tên Nguyễn Công D3.

[8] Về biện pháp tư pháp: Truy thu sung ngân sách Nhà nước đối với số tiền mà bị cáo dùng để cho vay; tiền lãi tương ứng với mức lãi cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự; đồng thời buộc bị cáo trả lại cho người vay số tiền thu lợi bất

chính; buộc những người vay phải nộp số tiền vay gốc còn nợ để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:

- Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền sử dụng vào mục đích cho vay để sung ngân sách Nhà nước là: 2.554.000.000đ – 307.931.588đ (là số tiền gốc mà những người vay chưa trả cho M) – 5.350.000đ (tiền thu được khi bị bắt), còn lại 2.240.718.412đ.

- Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay là 37.637.589đ để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo phải trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người vay với tổng số tiền là 501.793.999đ.

- Buộc những người vay phải nộp lại số tiền vay gốc chưa trả cho bị cáo để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước với tổng số tiền là 307.931.588đ.

[9] Đối với Nguyễn Văn D4 có hành vi giúp Đỗ Văn M thu hồi tiền lãi và gốc từ ngày 17/11/2022 đến ngày 29/11/2022 với tổng số tiền thu lợi bất chính là 14.536.696đ, D4 không biết việc thỏa thuận vay mượn tiền giữa M và người vay, D4 không được lợi gì từ hoạt động cho vay nặng lãi nên Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thị xã A chuyển xử lý hành chính đối với Nguyễn Văn D4 là phù hợp.

[10] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 299; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; Điều 38; điểm i, điểm s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn M phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự";

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn M 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào trại chấp hành án. Được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2022 đến ngày 23/3/2023.

2. Về hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Tiền Việt Nam đồng, tổng số 5.350.000đ (năm triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng); 01 *(Một)* xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu trắng sữa, biển số 82B1-298.42, số khung 5809EY131781, số máy JF58EO131878, kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 066881 do Phòng C1 Công an tỉnh K cấp ngày 8/10/2019; 01 *(một)* điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh đen, số seri1 356819634457066, số seri2 356819636457064.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 *(Một)* thẻ ngân hàng A số 9704 0509 4113 4434, tên Đỗ Văn M; 02 *(Hai)* bìa hồ sơ bằng nhựa cứng màu xanh; 01 *(Một)* cây viết bi màu xanh - đen, mực xanh; 01 (Một) cây viết bi màu vàng – đen, mực xanh; Sim số điện thoại 0386176835 và 0979854135 (gắn trong điện thoại di động hiệu Nokia 105).

- Trả lại cho bị cáo 01 Thẻ căn cước công dân số 037091014320 tên Đỗ Văn M; 01 *(một)* điện thoại di động hiệu Oppo Reno8 Z 5G, màu đen, ốp lưng màu đen có gắn sim số điện thoại 0977325135.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị X (phường A) 01 chứng minh nhân dân số 231261481 tên Nguyễn Thị X.

- Trả cho Phan Thị Lệ T1 01 *(Một)* sổ tạm trú tên Nguyễn Công D3, số B.

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, vật chứng ngày 27/6/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A).

4. Về biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo Đỗ Văn M phải nộp lại số tiền sử dụng vào mục đích cho vay để sung ngân sách Nhà nước là: 2.240.718.412đ (hai tỷ, hai trăm bốn mươi triệu, bảy trăm mười tám nghìn, bốn trăm mười hai đồng).

- Buộc bị cáo Đỗ Văn M phải nộp số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay là 37.637.589đ (ba mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm tám mươi chín đồng) để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Đỗ Văn M phải trả lại tiền thu lợi bất chính cho những người vay là 501.793.999đ (Năm trăm lẻ một triệu, bảy trăm chín mươi ba nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng). Cụ thể số tiền bị cáo phải trả cho từng người như sau:

STT	**Họ tên người vay**	**Tiền thu lợi bất chính bị cáo phải trả lại cho người vay**
1	Nguyễn Thị Ánh Loan	1,531,233đ (Một triệu, năm trăm ba mươi mốt nghìn, hai trăm ba mươi ba đồng)
2	Hà Thị Xuân Thoa	12,373,663đ (Mười hai triệu, ba trăm bảy mươi ba nghìn, sáu trăm sáu mươi ba đồng)
3	Phan Thị Liễu	5,167,123 (Năm triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi ba

STT	Họ tên người vay	Tiền thu lợi bất chính bị cáo phải trả lại cho người vay
		đồng)
4	Phan Thị Lệ Thu	5,038,035 (Năm triệu, không trăm ba mươi tám nghìn, không trăm ba mươi lăm đồng)
5	Võ Thị Hoài Thu	7,460,760 (Bảy triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn, bảy trăm sáu mươi đồng)
6	Nguyễn Thị Hồng Loan (Tân An, Đak Pơ)	12,588,429 (Mười hai triệu, năm trăm tám mươi tám nghìn, bốn trăm hai mươi chín đồng)
7	Huỳnh Thị Thúy	15,646,929 (Mười lăm triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn, chín trăm hai mươi chín đồng)
8	Phan Thị Hồng Phúc	16,294,388 (Mười sáu triệu, hai trăm chín mươi bốn nghìn, ba trăm tám mươi tám đồng)
9	Phạm Công Chức	17,843,920 (Mười bảy triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn, chín trăm hai mươi đồng)
10	Trần Văn Bá	12,697,393 (Mười hai triệu, sáu trăm chín mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi ba đồng)
11	Bùi Thị Lệ Thi	15,651,525 (Mười lăm triệu, sáu trăm năm mươi mốt nghìn, năm trăm hai mươi lăm đồng)
12	Tô Văn Minh	10,123,987 (Mười triệu, một trăm hai mươi ba nghìn, chín trăm tám mươi bảy đồng)
13	Hoàng Thị Như Ý	13,848,431 (Mười ba triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn, bốn trăm ba mươi mốt đồng)
14	Trần Thị Trang	5,611,312 (Năm triệu, sáu trăm mười một nghìn, ba trăm mười hai đồng)
15	Châu Thị Bảo Vy	13,312,773 (Mười ba triệu, ba trăm mười hai nghìn, bảy trăm bảy mươi ba đồng)
16	Trần Thị Đâu	9,984,728 (Chín triệu, chín trăm tám mươi bốn nghìn, bảy trăm hai mươi tám đồng)
17	Nguyễn Thị Bích Phượng	1,115,068 (Một triệu, một trăm mười lăm nghìn, không trăm sáu mươi tám đồng)
18	Trương Minh Hoàng	3,740,875 (Ba triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn, tám trăm bảy mươi lăm đồng)
19	Trần Thị Ngọc	7,297,534 (Bảy triệu, hai trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi bốn đồng)
20	Trần Thị Ánh Nguyệt	5,575,432 (Năm triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn, bốn trăm ba mươi hai đồng)
21	Diệp Thị Phương Thảo	17,040,544 (Mười bảy triệu, không trăm bốn mươi nghìn, năm trăm bốn mươi bốn đồng)
22	Trần Văn Hải	2,950,685 (Hai triệu, chín trăm năm mươi nghìn, sáu trăm tám mươi lăm đồng)
23	Phan Thị Thanh	19,162,685 (Mười chín triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm tám mươi lăm đồng)
24	Lê Minh Khoa	16,607,114 (Mười sáu triệu, sáu trăm lẻ bảy nghìn, một trăm mười bốn đồng)
25	Tô Thị Thanh Thúy	12,244,401 (Mười hai triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn, bốn trăm lẻ một đồng)
26	Châu Thị Trang	4,460,274 (Bốn triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn, hai trăm bảy mươi bốn đồng)
27	Nguyễn Thị Dung	6,284,232 (Sáu triệu, hai trăm tám mươi bốn nghìn, hai trăm ba mươi hai đồng)

STT	Họ tên người vay	Tiền thu lợi bất chính bị cáo phải trả lại cho người vay
	(phường An Bình)	
28	Thân Thị Nga	2,056,376 (Hai triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn, ba trăm bảy mươi sáu đồng)
29	Nguyễn Thanh Hiếu	179,850 (Một trăm bảy mươi chín nghìn, tám trăm năm mươi đồng)
30	Nguyễn Hữu Định	1,187,008 (Một triệu, một trăm tám mươi bảy nghìn, không trăm lẻ tám đồng)
31	Nguyễn Thị Mỹ Dung (phường Tây Sơn)	1,618,648 (Một triệu, sáu trăm mười tám nghìn, sáu trăm bốn mươi tám đồng)
32	Lê Thị Lan	5,836,102 (Năm triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn, một trăm lẻ hai đồng)
33	Nguyễn Thị Xuân (phường An Tân)	20,358,992 (Hai mươi triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn, chín trăm chín mươi hai đồng)
34	Nguyễn Thị Thanh Mai	1,690,588 (Một triệu, sáu trăm chín mươi nghìn, năm trăm tám mươi tám đồng)
35	Lê Thị Hòa	2,841,626 (Hai triệu, tám trăm bốn mươi mốt nghìn, sáu trăm hai mươi sáu đồng)
36	Phạm Thị Tú	4,930,657 (Bốn triệu, chín trăm ba mươi nghìn, sáu trăm năm mươi bảy đồng)
37	Phạm Thị Ngọc Ánh	14,035,616 (Mười bốn triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm mười sáu đồng)
38	Lưu Văn Thái	6,648,361 (Sáu triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn, ba trăm sáu mươi mốt đồng)
39	Nguyễn Thị Xuân (Thành An)	9,927,707 (Chín triệu, chín trăm hai mươi bảy nghìn, bảy trăm lẻ bảy đồng)
40	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	20,574,812 (Hai mươi triệu, năm trăm bảy mươi bốn nghìn, tám trăm mười hai đồng)
41	Nguyễn Thị Thúy Hiền	24,963,146 (Hai mươi bốn triệu, chín trăm sáu mươi ba nghìn, một trăm bốn mươi sáu đồng)
42	Nguyễn Thị Tuyết Trang	31,583,790 (Ba mươi mốt triệu, năm trăm tám mươi ba nghìn, bảy trăm chín mươi đồng)
43	Lê Minh Tài	189,041 (Một trăm tám mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi mốt đồng)
44	Đặng Thị Gái	9,136,368 (Chín triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn, ba trăm sáu mươi tám đồng)
45	Lê Thị Huyền	6,996,438 (Sáu triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn, bốn trăm ba mươi tám đồng)
46	Đinh Thị Thắm	6,690,411 (Sáu triệu, sáu trăm chín mươi nghìn, bốn trăm mười một đồng)
47	Bùi Thị Hiền	708,904 (Bảy trăm lẻ tám nghìn, chín trăm lẻ bốn đồng)
48	Nguyễn Thị Hồng Loan (phường An Tân)	2,080,365 (Hai triệu, không trăm tám mươi nghìn, ba trăm sáu mươi lăm đồng)
49	Lê Đức Hiếu	3,108,676 (Ba triệu, một trăm lẻ tám nghìn, sáu trăm bảy mươi sáu đồng)
50	Nguyễn Thị Thủy	2,702,740 (Hai triệu, bảy trăm lẻ hai nghìn, bảy trăm bốn mươi đồng)
51	Võ Thị Hoàng Yến	143,880 (Một trăm bốn mươi ba nghìn, tám trăm tám mươi đồng)
52	Lê Thị Thu Hiền	1,115,068 (Một triệu, một trăm mười lăm nghìn, không trăm sáu mươi tám đồng)

STT	Họ tên người vay	Tiền thu lợi bất chính bị cáo phải trả lại cho người vay
53	Nguyễn Thị Dung (phường Ngô Mây)	13,380,822 (Mười ba triệu, ba trăm tám mươi nghìn, tám trăm hai mươi hai đồng)
54	Châu Thị Nga	3,834,955 (Ba triệu, tám trăm ba mươi bốn nghìn, chín trăm năm mươi lăm đồng)
55	Hà Thị Kiều Oanh	2,020,287 (Hai triệu, không trăm hai mươi nghìn, hai trăm tám mươi bảy đồng)
56	Đoàn Thị Bích Vân	503,579 (Năm trăm lẻ ba nghìn, năm trăm bảy mươi chín đồng)
57	Phan Thị Thanh Thảo	17,409,456 (Mười bảy triệu, bốn trăm lẻ chín nghìn, bốn trăm năm mươi sáu đồng)
58	Phan Thị Trinh	7,594,618 (Bảy triệu, năm trăm chín mươi bốn nghìn, sáu trăm mười tám đồng)
59	Nguyễn Thị Hà	4,034,724 (Bốn triệu, không trăm ba mươi bốn nghìn, bảy trăm hai mươi bốn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Buộc những người vay phải nộp lại số tiền vay gốc chưa trả cho bị cáo Đỗ Văn M để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là 307.931.585đ (Ba trăm lẻ bảy triệu, chín trăm ba mươi mốt nghìn, năm trăm tám mươi lăm đồng). Cụ thể số tiền từng người phải nộp như sau:

STT	Họ tên người vay	Tiền người vay phải nộp sung vào ngân sách Nhà nước
1	Nguyễn Thị Ánh Loan	1,520,000 (Một triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng)
2	Hà Thị Xuân Thoa	4,516,129 (Bốn triệu, năm trăm mười sáu nghìn, một trăm hai mươi chín đồng)
3	Phan Thị Liễu	4,000,000 (Bốn triệu đồng)
4	Phan Thị Lệ Thu	5,793,103 (Năm triệu, bảy trăm chín mươi ba nghìn, một trăm lẻ ba đồng)
5	Võ Thị Hoài Thu	2,903,226 (Hai triệu, chín trăm lẻ ba nghìn, hai trăm hai mươi sáu đồng)
6	Nguyễn Thị Hồng Loan (Tân An, Đak Pơ)	9,058,429 (Chín triệu, không trăm năm mươi tám nghìn, bốn trăm hai mươi chín đồng)
7	Huỳnh Thị Thúy	14,838,710 (Mười bốn triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn, bảy trăm mười đồng)
8	Phan Thị Hồng Phúc	21,935,484 (Hai mươi mốt triệu, chín trăm ba mươi lăm nghìn, bốn trăm tám mươi bốn đồng)
9	Phạm Công Chức	5,187,345 (Năm triệu, một trăm tám mươi bảy nghìn, ba trăm bốn mươi lăm đồng)
10	Trần Văn Bá	3,064,516 (Ba triệu, không trăm sáu mươi bốn nghìn, năm trăm mười sáu đồng)

STT	Họ tên người vay	Tiền người vay phải nộp sung vào ngân sách Nhà nước
11	Bùi Thị Lệ Thi	2,741,935 (Hai triệu, bảy trăm bốn mươi mốt nghìn, chín trăm ba mươi lăm đồng)
12	Tô Văn Minh	3,862,069 (Ba triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, không trăm sáu mươi chín đồng)
13	Hoàng Thị Như Ý	7,903,226 (Bảy triệu, chín trăm lẻ ba nghìn, hai trăm hai mươi sáu đồng)
14	Trần Thị Trang	4,838,710 (Bốn triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn, bảy trăm mười đồng)
15	Châu Thị Bảo Vy	4,344,828 (Bốn triệu, ba trăm bốn mươi bốn nghìn, tám trăm hai mươi tám đồng)
16	Trần Thị Đâu	10,967,742 (Mười triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn, bảy trăm bốn mươi hai đồng)
17	Trương Minh Hoàng	3,225,806 (Ba triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, tám trăm lẻ sáu đồng)
18	Trần Thị Ngọc	9,500,000 (Chín triệu, năm trăm nghìn đồng)
19	Diệp Thị Phương Thảo	6,477,667 (Sáu triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng)
20	Phan Thị Thanh	7,540,000 (Bảy triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng)
21	Lê Minh Khoa	11,129,032 (Mười một triệu, một trăm hai mươi chín nghìn, không trăm ba mươi hai đồng)
22	Tô Thị Thanh Thúy	7,741,935 (Bảy triệu, bảy trăm bốn mươi mốt nghìn, chín trăm ba mươi lăm đồng)
23	Nguyễn Thị Dung (phường An Bình)	3,137,931 (Ba triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn, chín trăm ba mươi mốt đồng)
24	Thân Thị Nga	2,903,226(Hai triệu, chín trăm lẻ ba nghìn, hai trăm hai mươi sáu đồng)
25	Nguyễn Thanh Hiếu	4,193,548 (Bốn triệu, một trăm chín mươi ba nghìn, năm trăm bốn mươi tám đồng)
26	Nguyễn Hữu Định	4,677,419 (Bốn triệu, sáu trăm bảy mươi bảy nghìn, bốn trăm mười chín đồng)
27	Nguyễn Thị Mỹ Dung (phường Tây Sơn)	2,741,935 (Hai triệu, bảy trăm bốn mươi mốt nghìn, chín trăm ba mươi lăm đồng)
28	Lê Thị Lan	3,709,677 (Ba triệu, bảy trăm lẻ chín nghìn, sáu trăm bảy mươi bảy đồng)
29	Nguyễn Thị Xuân (Phường An Tân)	8,709,677 (Tám triệu, bảy trăm lẻ chín nghìn, sáu trăm bảy mươi bảy đồng)
30	Nguyễn Thị Thanh Mai	2,419,355 (Hai triệu, bốn trăm mười chín nghìn, ba trăm năm mươi lăm đồng)
31	Lê Thị Hòa	2,258,065 (Hai triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn, không trăm sáu mươi lăm đồng)
32	Phạm Thị Tú	6,275,862 (Sáu triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn, tám trăm sáu mươi hai đồng)
33	Phạm Thị Ngọc Ánh	5,600,000 (Năm triệu, sáu trăm nghìn đồng)
34	Lưu Văn Thái	3,620,690 (Ba triệu, sáu trăm hai mươi nghìn, sáu trăm chín mươi đồng)
35	Nguyễn Thị Xuân (xã	483,871 (Bốn trăm tám mươi ba nghìn, tám trăm bảy mươi mốt đồng)

STT	Họ tên người vay	Tiền người vay phải nộp sung vào ngân sách Nhà nước
	Thành An)	
36	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	7,741,935 (Bảy triệu, bảy trăm bốn mươi mốt nghìn, chín trăm ba mươi lăm đồng)
37	Nguyễn Thị Thúy Hiền	18,064,516 (Mười tám triệu, không trăm sáu mươi bốn nghìn, năm trăm mười sáu đồng)
38	Nguyễn Thị Tuyết Trang	17,916,667 (Mười bảy triệu, chín trăm mười sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng)
39	Lê Minh Tài	4,200,000 (Bốn triệu, hai trăm nghìn đồng)
40	Đặng Thị Gái	9,032,258 (Chín triệu, không trăm ba mươi hai nghìn, hai trăm năm mươi tám đồng)
41	Nguyễn Thị Hồng Loan (phường An Tân)	3,666,667 (Ba triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng)
42	Lê Đức Hiếu	3,333,333 (Ba triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng)
43	Võ Thị Hoàng Yến	4,354,839 (Bốn triệu, ba trăm năm mươi bốn nghìn, tám trăm ba mươi chín đồng)
44	Châu Thị Nga	4,103,448 (Bốn triệu, một trăm lẻ ba nghìn, bốn trăm bốn mươi tám đồng)
45	Hà Thị Kiều Oanh	806,452 (Tám trăm lẻ sáu nghìn, bốn trăm năm mươi hai đồng)
46	Đoàn Thị Bích Vân	2,741,935 (Hai triệu, bảy trăm bốn mươi mốt nghìn, chín trăm ba mươi lăm đồng)
47	Phan Thị Thanh Thảo	11,935,484 (Mười một triệu, chín trăm ba mươi lăm nghìn, bốn trăm tám mươi bốn đồng)
48	Phan Thị Trinh	7,180,645 (Bảy triệu, một trăm tám mươi nghìn, sáu trăm bốn mươi lăm đồng)
49	Nguyễn Thị Hà	9,032,258 (Chín triệu, không trăm ba mươi hai nghìn, hai trăm năm mươi tám đồng)

5. Về án phí: Buộc bị cáo Đỗ Văn M phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 30/8/2023. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Thảo